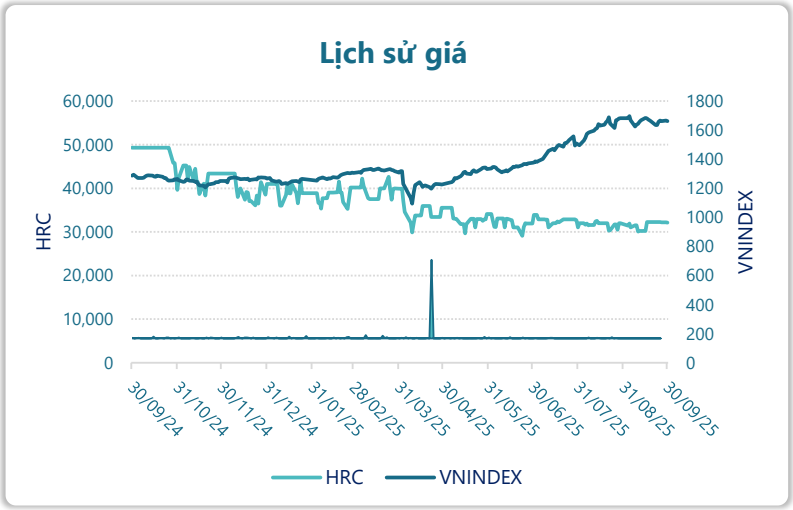
FireAnt

CTCP Cao su Hòa Bình (HSX: HRC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**32,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,100
SL cổ phiếu LH	30,206,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	490
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	971
P/E	11.4
EPS	2,830

DT thuần

Q3/25

67.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.70| 13.0%

YoY: ▼10.1| -13.0%

LN sau thuế

Q3/25

22.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.7| 564%

YoY: ▲ 16.0| 270%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

39.4%

+/- YoY: ▲ 26.4%

DT thuần

9T 2025

164

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 40.0| 31.9%

LN sau thuế

9T 2025

26.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.9| 290%

ROE

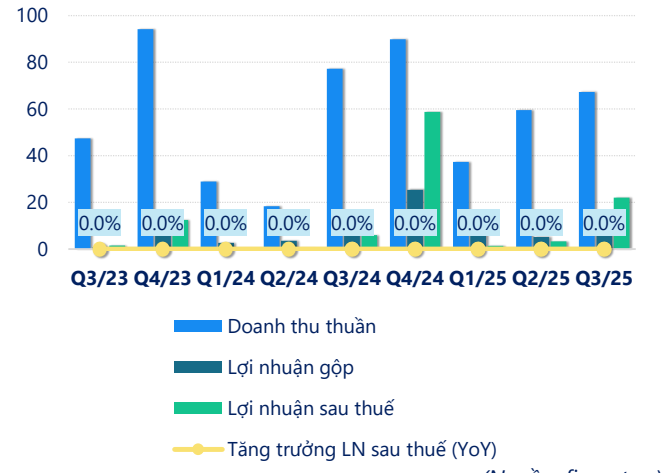
Q3/25

14.6%

+/- YoY: ▲ 11.1%

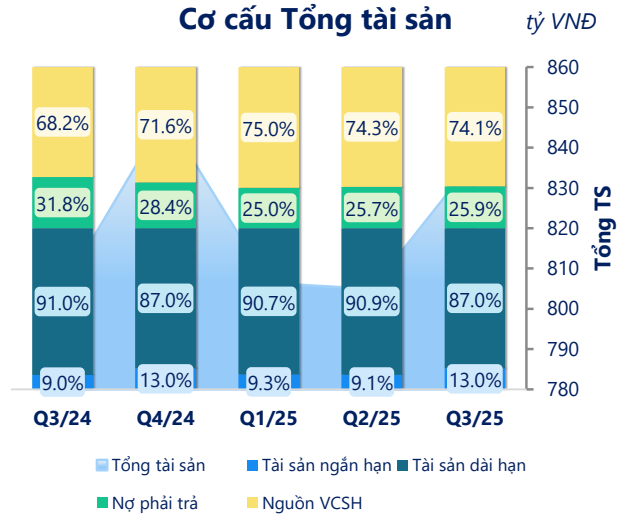
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



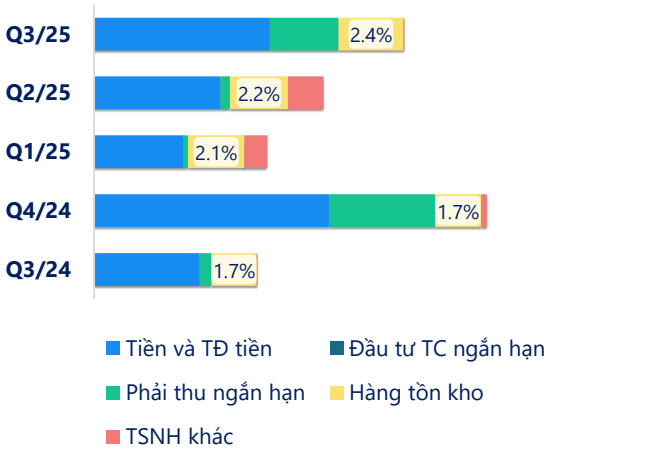
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



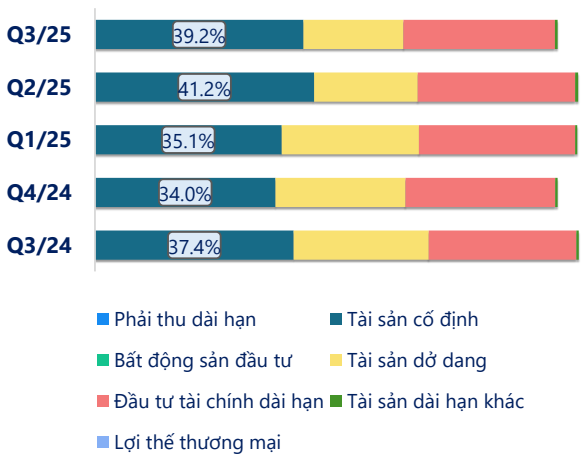
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



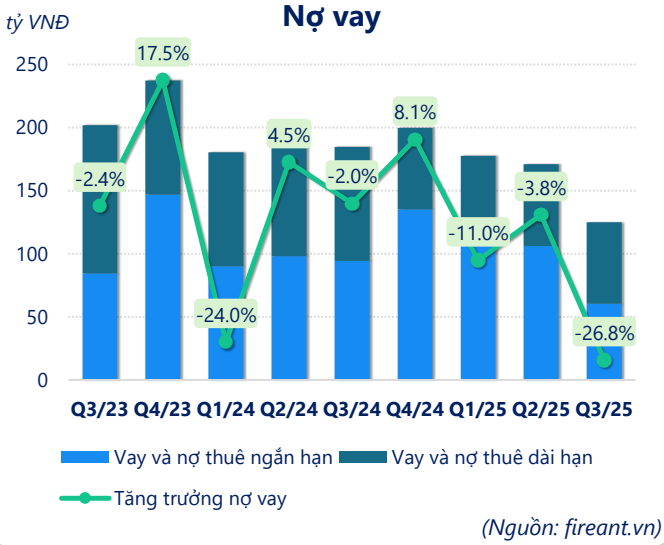
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



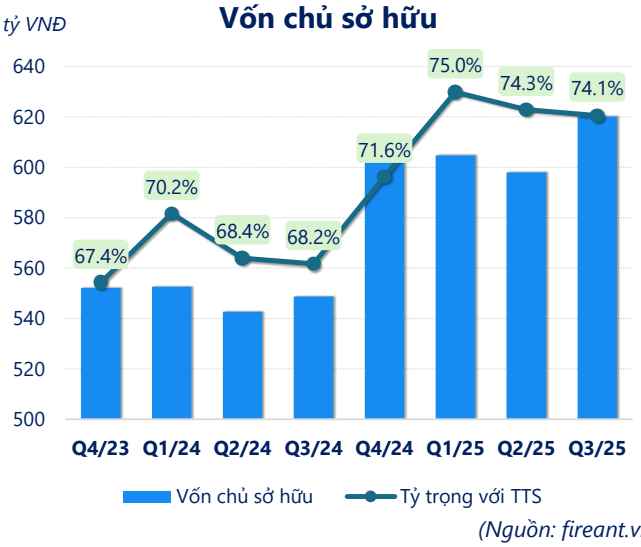
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



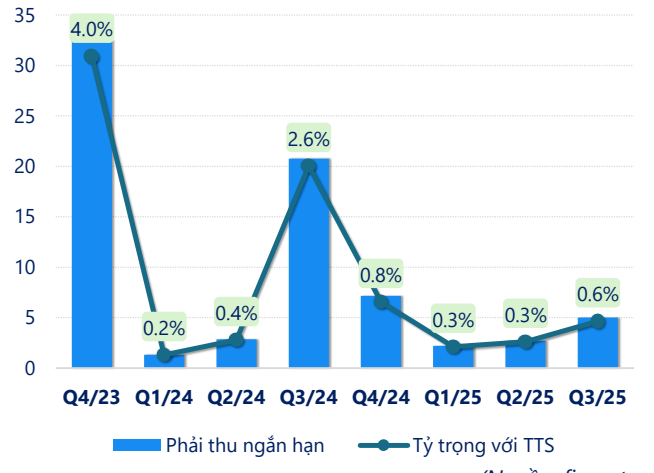
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



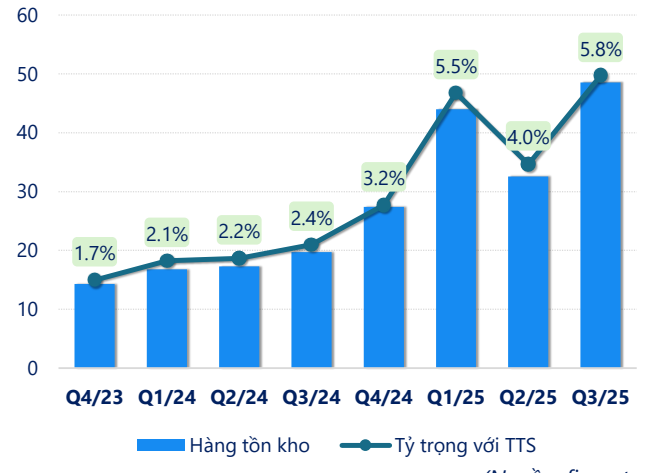
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



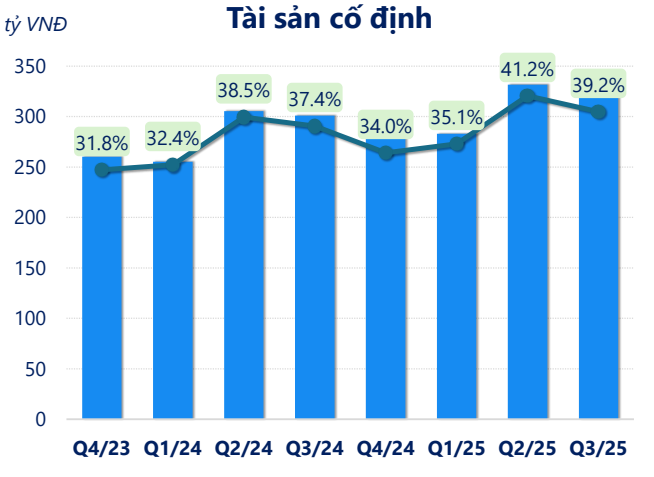
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



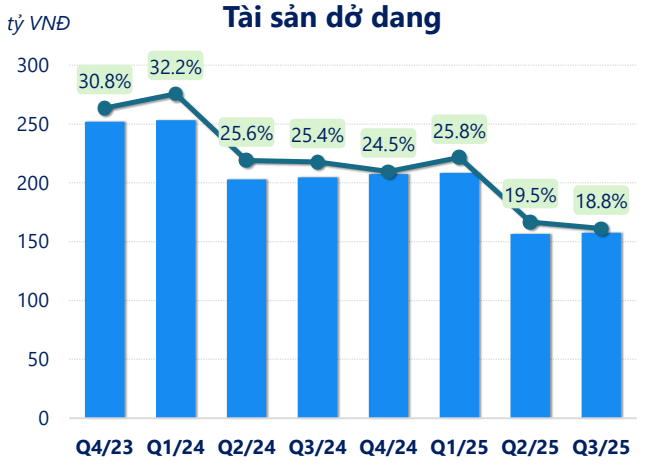
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



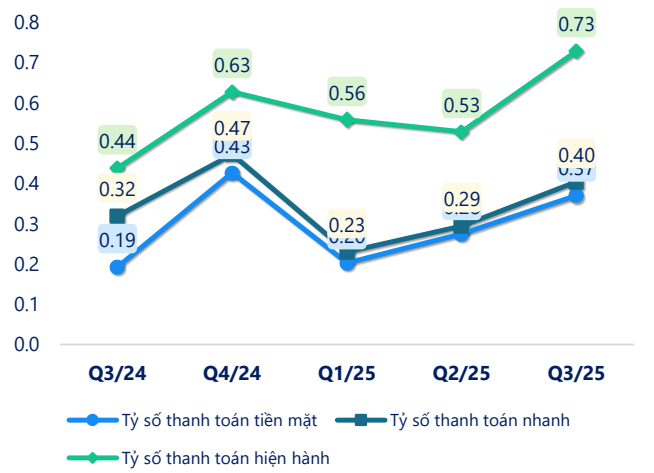
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



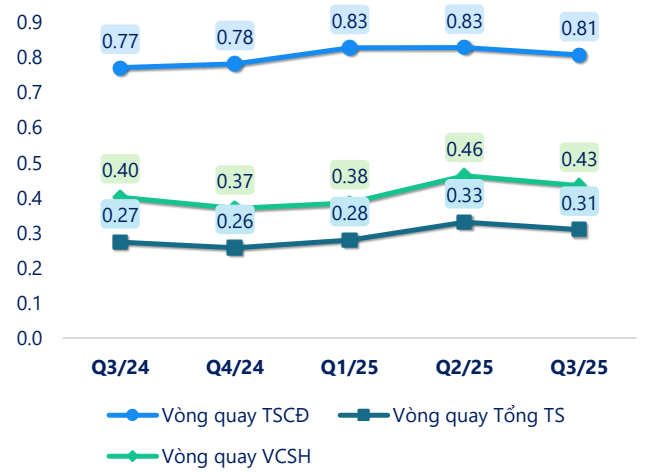
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**805**	**848**	**806**	**805**	**837**
Tài sản ngắn hạn	**72.7**	**110**	**74.8**	**73.5**	**109**
Tiền và tương đương tiền	31.9	75.0	27.1	38.3	55.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	20.8	7.17	2.21	2.72	5.01
Hàng tồn kho	19.7	27.4	44.0	32.5	48.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.83	1.51	0	0
Tài sản dài hạn	**732**	**738**	**732**	**731**	**728**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	301	288	283	332	328
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	205	207	208	157	158
Đầu tư tài chính dài hạn	223	239	237	239	239
Tài sản dài hạn khác	3.52	3.58	3.58	4.48	4.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**256**	**241**	**202**	**207**	**217**
Nợ ngắn hạn	**166**	**176**	**134**	**139**	**149**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	94.4	135	113	106	60.3
Phải trả người bán ngắn hạn	2.76	5.00	1.05	6.49	10.4
Nợ dài hạn	90.3	64.7	67.8	67.8	67.8
Vay và nợ thuê dài hạn	90.3	64.7	64.7	64.7	64.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**549**	**607**	**605**	**598**	**620**
Vốn chủ sở hữu	**549**	**607**	**605**	**598**	**620**
Vốn điều lệ	302	302	302	302	302
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)